

Một thoáng di sản văn hóa

NAM ĐỊNH

TRẦN LÂM - HẢI NINH



Bộ cửa giữa đền Xám, Nam Định - Ảnh: H.N

Nhện nay, hầu như ai cũng hiểu rằng, trong sự phát triển mạnh mẽ như vũ bão của khoa học, thì, xu

hướng xích lại gần nhau giữa các cộng đồng dân tộc trên thế giới là điều tất yếu của lịch sử nhân loại. Song, trên tinh thần chung thì con người mong được hoà nhập nhưng không bao giờ muốn hoà tan. Và, một bản lĩnh cội nguồn thôi thúc chúng ta tìm về bản sắc văn hoá dân tộc để không tự đánh mất mình mà vững bước tiến về phía trước. Lịch sử Việt Nam cho thấy, dân tộc này đã không tiếc xương máu để bảo tồn nòi giống - Nhà Lý với tinh thần giải Hoa đã góp phần củng cố vương triều và khẳng định nền độc lập dân tộc, đó cũng là một nền tảng tinh thần để nhà Trần chiến thắng quân Nguyên. Nhưng, cuối thời Trần, nhiều nho sĩ bài

bác văn hoá dân tộc, sùng bái văn hoá Bắc quốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhà Minh xâm lược, để rồi biết bao di sản văn hoá chất

chui hơn 400 năm của tổ tiên ta bị triệt phá quyết liệt. Người Việt đã tưởng như mất cội. Rồi sau đó, một dòng văn hoá đầy chất dân dã ở thế kỷ XVI và XVII đã khẳng định về truyền thống phi Hoa phi Ấn lan tràn trên khắp miền đất gốc, nổi lên với những trung tâm như: Thăng Long, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hà Đông, Vinh Phúc, Hải Dương, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hoá... Và, từ đây, cứ khi nào nền văn hoá dân tộc, vì bất kể lý do gì, bị tàn phai (chủ yếu từ tầng lớp thống trị) thì nạn ngoại xâm lại cận kề (cuối thế kỷ XVIII với nạn xâm lược của quân Thanh, giữa thế kỷ XX với sự xâm lược của thực dân Pháp...). Bài học lịch sử

còn chưa ráo mực này cho chúng ta khẳng định rằng: Di sản văn hoá kiến trúc Việt đâu phải là nơi chỉ gắn với tôn giáo tín ngưỡng, mà tự chúng đã phản ánh nhiều vấn đề sâu xa hơn của lịch sử và xã hội. Một may mắn đặc biệt là trên dòng trôi chảy của kiến trúc dân tộc thì ở miền Sơn Nam hạ lại gần như vẫn còn giữ được khá đầy đủ và liên tục về mạch truyền thống.

Mở cuộc hành hương vào di sản văn hoá từ thời tự chủ, chúng ta, những người thiết tha với quá khứ, như bị “choáng ngợp” trước phế tích Chương Sơn (niên đại thời Lý - 1118) bởi sự to lớn có tính tương đối của chân tháp và nhất là pho tượng Phật còn khá đầy đủ, đã như một mở đầu cho sự tự hào về nghệ thuật tạo hình Phật giáo dân tộc. Hiện nay, chỉ riêng pho tượng này là đủ tư cách đại diện cho điêu khắc nhân dạng Phật giáo của thời Lý. Người ta thường nhắc nhiều tới tượng chùa Phật Tích, nhưng pho tượng này đã bị giặc Minh phá hoại, để tới nay đầu tượng là sản phẩm của thế kỷ XVII - XVIII với tỷ lệ khá to, không cân xứng với thân, rồi đài sen cùng sư tử và tầng một cửa đế cũng đã bị mất (nay thay bằng đài sen muộn). Thực ra tượng Chương Sơn cũng bị phá, song chỉ bị vỡ một phần đài sen phía trước, sau đó có lẽ tới thế kỷ XVII được chuyển xuống chùa ở chân núi - Cuộc khai quật gần đây cũng đã tìm được nhiều di vật đá thời Lý điển hình, đó là các “thốt” chạm hoa dây và rồng trong ô tròn, các đầu con sơn, khỉ, thành bậc chạm vũ nữ thiên thần, khấn na la (nửa thân trên là người, nửa dưới là chim), cả một bệ bia rồng ở lớn tương tự như ở bia chùa Long Đọi - Hà Nam và nhiều hiện vật đất nung. So với các phế tích khác của thời Lý, thì di chỉ này khá phong phú, dẫn tới những nhận thức đầy đủ hơn về nghệ thuật kiến trúc và tạo hình của đương thời.

Vào thời Trần (thế kỷ XIII - XIV), ngoài những nhang án đá hoa sen hình hộp, như của nhiều tỉnh khác, thì chỉ duy nhất ở Nam Định còn lại dấu tích kiến trúc về một ngôi chùa lớn của thời này, đó là chùa Phổ Minh. Người ta cũng có thể nói tới Yên Tử - Quảng Ninh, nhưng ở nơi đó chỉ còn một móng tháp, một con đường “giác” dẫn từ tháp lên chùa bằng gạch hoa, song đã bị tháo dỡ để thay bằng gạch phục chế vào thời gian gần đây!

Trở lại với chùa Phổ Minh, một di sản văn hoá vật thể điển hình của thành Nam và của cả

nước hiện còn mang nhiều dấu tích từ thế kỷ XIII và XIV. Với một mặt bằng của đương thời khá đầy đủ, mở đầu là một tam quan (có đôi lân đá của thời Trần), rồi ngay sau đó, cân xứng hai bên, là hai ao tròn tượng cho hai vầng nhật nguyệt, con đường dẫn tiếp vào ngôi tháp lớn và thượng điện. Có thể tin được rằng, tháp Phổ Minh là ngôi tháp có niên đại sớm nhất hiện còn ở Bắc bộ. Theo dấu vết của thời Trần thì tháp chỉ có 11 tầng, gắn với người đạt quả Phật sau thời Thích Ca Mâu Ni. Tháp là một công trình nghệ thuật, so với thời Lý thì đã có nhiều sự biến đổi, báo hiệu một sự phát triển, đặc biệt là với hoa văn. Lần đầu tiên chúng ta gặp hình mặt trời tròn ở trần tháp (thời Lý chưa gặp hình mặt trời tròn), rồi rồng yên ngựa đã có sừng, có tai, kèm đó là cánh sen dẹo mũi cuộn tròn theo thể khối và nhiều hoa văn khác... Nhìn chung, ở tháp Phổ Minh đã mang tính tổng hoà nhuần nhuyễn của cả tạo hình dân tộc, tạo hình phương Nam có gốc Ấn và cả phương Bắc. Tháp có một phần tầng đế nằm trong “hồ nước” vuông có lan can bao quanh với 4 cửa xuống. Mười tầng trên của tháp vốn là gạch đỏ... khiến chúng ta có thể nghĩ được cây tháp như một “trục thông linh” rọi ánh sáng đạo pháp, soi đường cho thế gian hướng về mà tìm đường giải thoát...

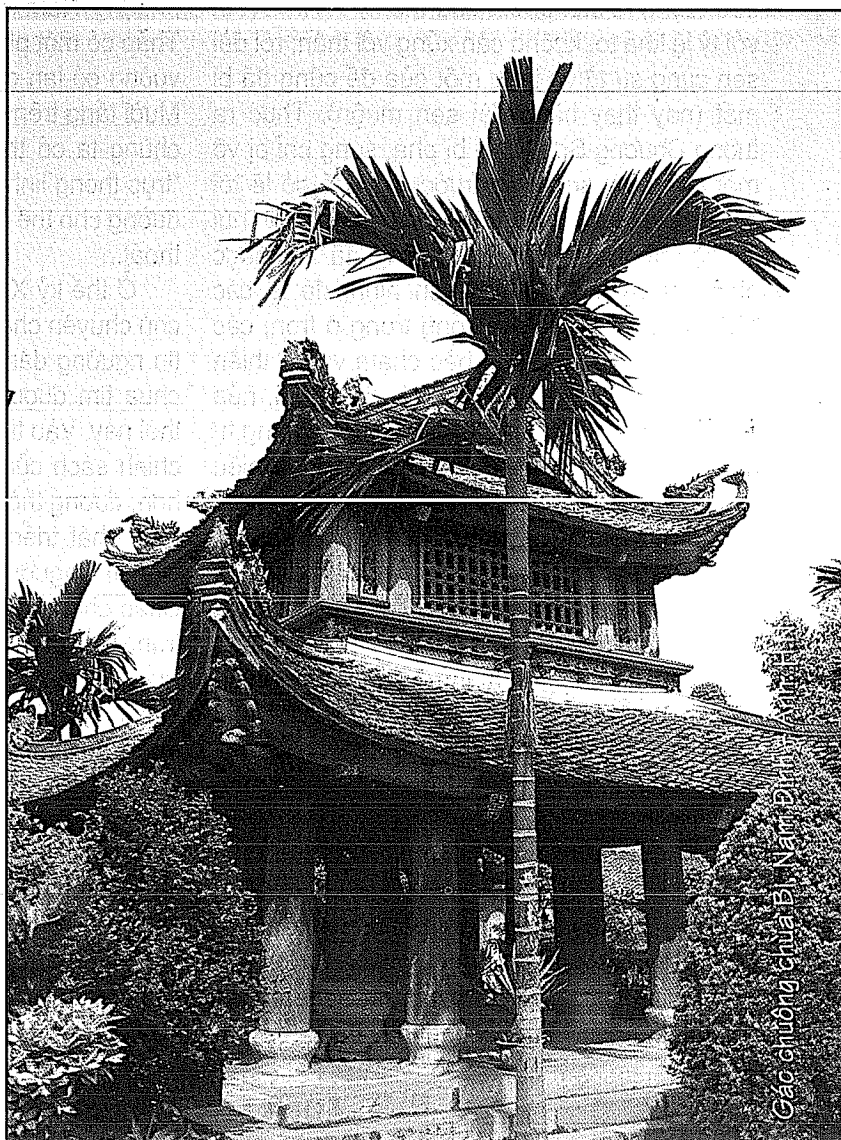
Ở thế kỷ XV, thời Lê sơ, chính quyền quân chủ chuyên chế Nho giáo hạn chế Phật giáo và tín ngưỡng dân gian nói chung khiến chúng ta chưa tìm được ở xứ Nam những di tích thuộc thời này. Vào thế kỷ XVI, sự phục hồi kinh tế và chính sách của triều đình nhà Mạc có cởi mở hơn, đương thời nền kinh tế thương mại có điều kiện phát triển, khiến hàng loạt kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng được dựng lại và làm mới... Chắc chắn, xứ Nam là một trong không nhiều trung tâm phát triển này, để thời sau đã ca ngợi “cầu Nam, chùa Bắc, đình Đoài...”. Nhưng không chỉ như vậy, nơi đây còn nảy sinh một trọng điểm mới gắn với tín ngưỡng dân gian tương ứng - Phủ Giày. Nhiều nhà nghiên cứu đã nhận ra rằng thương mại phát triển đã tạo xu hướng hội nhập và đơn giản hoá thần điện đạo Mẫu để Mẫu Liễu xuất thế. Có thể từ đây, Ngài theo các luồng thương mại mà xuất hiện dần tại rất nhiều nơi. Trên lĩnh vực tạo hình, đây đó, chúng ta còn gặp được khá nhiều di sản văn hoá vật thể của thời Mạc và mang phong cách

Mạc, đó là nhiều pho tượng ở các chùa rải rác trong khắp tỉnh, là một số mảng chạm rất đẹp ở đền Xám và nhất là ở chùa Phổ Minh, như bộ cánh cửa gỗ, một số tượng chùa, am bà chúa Mạc bằng đất nung... Hiện nay, mới chỉ gặp hai am đất nung thời Mạc, ở chùa Phổ Minh và Yên Tử, kết cấu và trang trí trên am đã chứa đầy tinh thần tín ngưỡng, như bằng bố cục phối hợp giữa lá đề và ba tầng hoa sen mà chúng ta thoáng như đọc được câu phù chú chứa đầy huyền lực "A.U.M! Pala padmé-hum" (úm! ba la Bát mê hùm), còn đế am là bày quý đắp nổi, đều quay ngược đầu xuống, hình thức này phần nào như phản ánh về nhận thức phân tầng thế giới: Âm và dương (dương gian đầu hướng lên trên, âm ty thì ngược lại)...

Thế kỷ XVII, là thời kỳ phát triển rực rỡ của di sản văn hoá xứ Nam. Nối tiếp dòng nghệ thuật ở thế kỷ XVI, nhiều hiệp thợ thành Nam (như thợ làng nghề Vị Xuyên) đã để lại cho chúng ta những công trình nổi tiếng của đương thời. Chúng ta có thể điểm tới, một chùa Keo Hành Thiên rộng lớn, khang trang với những kiến trúc đầy yếu tố truyền thống, trong đó có một tam quan kiêm gác chuông "độc nhất vô nhị", rồi nhiều tượng mang nét dân gian đặc sắc. Liên hệ giữa chùa Keo Thái Bình, Keo Nam Định qua chùa Cổ Lễ, chùa Bi, chùa Chợ Lương... tới chùa Đỉnh Giang - Ninh Bình, chúng ta như chợt cảm thấy có thể từ thời Lý về sau, dần dần đã hình thành một vết văn hoá Phật giáo dân tộc theo lối "tiên Phật, hậu Thánh" đậm chất riêng gắn với các đại sư mang nặng tính chất Mật Tông (Minh Không, Không Lộ, Từ Đạo Hạnh, Giác Hải) - Tương tự như vậy, với Từ Đạo Hạnh, chúng ta cũng đã tìm được vùng ảnh hưởng của nhà sư này từ chùa Thầy (Quốc Oai) qua chùa Tống (Ngại Cầu-Hoài Đức) rồi tới chùa Tam Huyền, chùa Láng

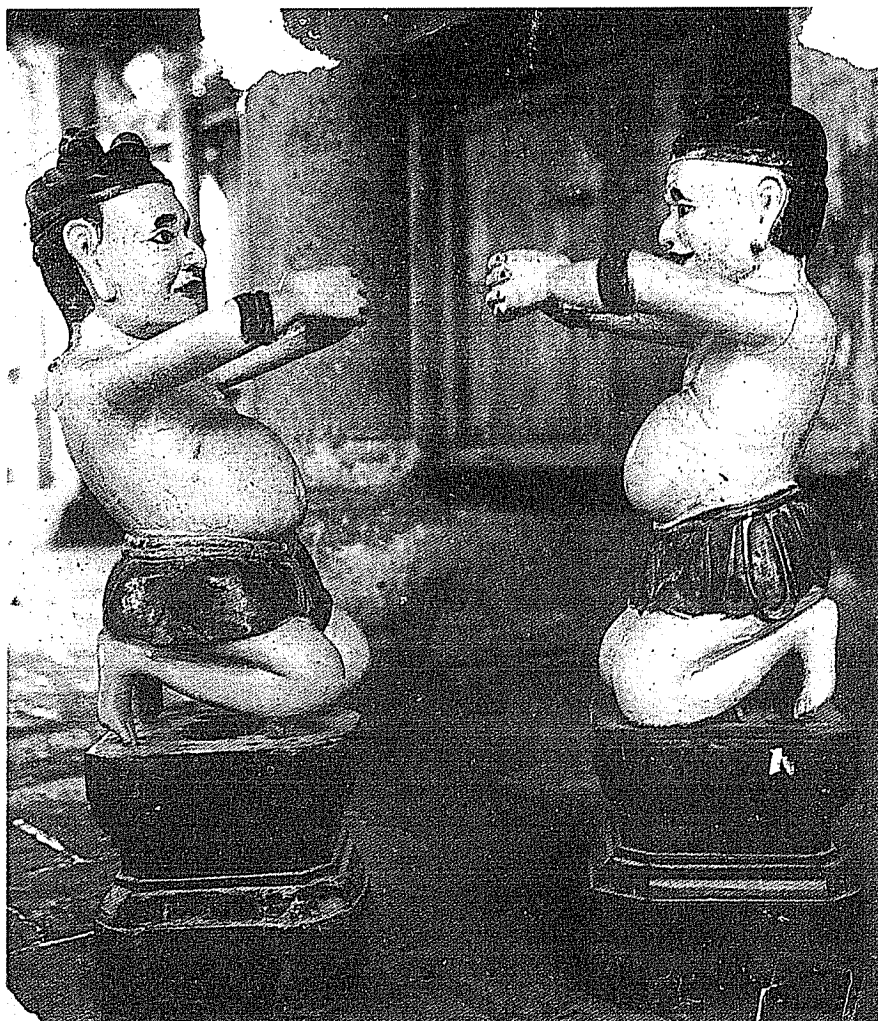
(Hà Nội) và vượt sông Hồng đến tận chùa Ông (Như Quỳnh - Hưng Yên). Ở Nam Định, thánh Từ được thờ riêng trong một am của chùa Bi. Đây là một am gắn liền với kiến trúc, hiện còn nhiều mảng chạm đẹp có niên đại thế kỷ XVII.

Trở lại với nghệ thuật chạm khắc, chúng ta không thể bỏ qua đình Hưng Lộc, đền Đệ Tứ với bao hoạt cảnh dân gian nào nức, đó là những nụ cười hóm hỉnh của tình yêu thôn dã, cảnh săn bắn, tắm khoả thân của nhiều thôn nữ ở đền Đệ Tam, cảnh tầu buôn phương Tây đã xác nhận về cửa ngõ giao lưu buôn bán với nước ngoài của xứ Nam... Trở về với đền Xám ở xã Nam Chấn, huyện Nam Trực, nơi thờ Trần Lâm (một trong 12 sứ quân), chúng ta đi từ ngạc nhiên tới ngỡ ngàng trước sự điêu luyện của nghệ thuật chạm khắc. Người đương thời (thế kỷ XVII) đã tạo nên ba bộ cửa được đóng khung bởi hệ thống cột và y môn, tất cả đều được chạm trở tinh xảo, đặc kín, không một nét



Gác chuông chùa Bi, Nam Định

Phỗng châu chùa Bi, Nam Định - Ảnh: T.L



thừa nét thiếu, với kỹ thuật chạm nổi, bong kênh, lõng... để tài chính là rỗng các dạng, điểm xuyên nhiều linh thú như hổ đầy chất dân gian với vẻ đẹp đột ngột, rồi khá nhiều khi, thạch sùng, thú nhỏ... Hiện tượng chạm nổi, bong trên cửa đã gặp ở khá nhiều nơi, nhưng chạm kín mặt cột thì rất hiếm, chúng ta mới chỉ thấy một đôi cột rải rác ở di tích của Thanh Hoá, ở Hà Đông, song tập trung như ở đền Xám thì hầu như còn quá hiếm.

Truyền thống kiến trúc và nghệ thuật của xứ Nam còn được thể hiện ở nhiều nơi khác và nổi tiếp trong các thế kỷ XVIII - XX, mà nổi lên là ở mảnh đất ven biển Hải Hậu. Có thể nghĩ, đây là mảnh đất mới được khai phá mạnh mẽ từ thế kỷ XV trong chính sách củng cố thể lực và phát triển kinh tế ra vùng duyên hải của nhà Lê sơ. Đó là một điều kiện để trên mảnh đất này có sự trộn pha nhuần nhuyễn giữa văn hoá nội đồng, văn hoá thương mại và văn hoá biển... Chúng

ta có thể gặp ở đây, bên cạnh ngôi chùa Lương Khang trang đầy hoa văn mang tính biểu tượng có gốc nông nghiệp, thì vẫn còn một chợ chùa ở ngay phía trước (một hình thức đã gặp nhiều ở đồng bằng như tại chùa Dâu, chùa Mía, chợ Viềng - chùa Bi...), và một cầu ngói cùng 9 cầu đá bắc qua dòng chảy giữa các làng nửa nông nửa thương này. Rồi ở chùa Phúc Hải trên giữa trán một bia trụ cao, đã chạm nổi hình bà Đanh (Bà Banh). Bia được làm vào nửa đầu thế kỷ XVII, ngoài hình rồng châu, lân, phượng... thì hình người đàn bà

khoả thân ngồi xổm bành chân sang hai bên, hai tay đỡ mặt trời, vú, bụng lớn, bộ phận sinh nở căng..., đó là hình tượng đã gặp nhiều ở vùng châu thổ, chủ yếu gắn với ước vọng phồn thực (nông nghiệp). Ngoài ra, tại nơi đây cũng đã gặp nhiều thần linh mang yếu tố biển và thương mại như: Càn Hải Đại Vương, Nam Hải Đại Vương, Tứ vị Thánh Nương, Mẫu Liễu, vua cha Bát Hải và cả đức Thánh Trần nữa... Một số tượng này đã được thể hiện khác hẳn trong nội đồng, như với tượng vua cha Bát Hải, đã được ngồi trên bệ do ba con rắn biển kết thành... Tượng làm khá đẹp và là sản phẩm có niên đại vào thời Nguyễn...

Điểm qua đôi nét về bước đi của di sản vật thể ở Nam Định, tuy còn chưa đầy đủ, song cũng tạm để chúng ta thấy rằng, mảnh đất này đã là một trong không nhiều trọng điểm văn hoá nghệ thuật truyền thống của dân tộc.